

Họ và tên thí sinh: P.A.B

Mã đề thi 112

Số báo danh: 612

Câu 41: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, năm 2007, tỉ lệ dân thành thị và nông thôn của nước ta lần lượt là

A. 24,7% và 75,3%

B. 73,6% và 26,4%

C. 26,7% và 73,3%

D. 27,4% và 72,6%

Câu 42: Năm 2015, diện tích gieo trồng lúa của nước ta là 7834,9 nghìn ha, sản lượng lúa là 42215,6 nghìn tấn. Năng suất lúa năm 2015 là

A. 5,39 nghìn tấn/ng nghìn ha.

B. 5390 kg/ha.

C. 53,9 tạ/ha.

D. 53,9 nghìn tạ/ng nghìn ha.

Câu 43: Trong quá trình chuyển đổi từ "nền kinh tế chỉ huy sang kinh tế thị trường", Trung Quốc khá thành công trong lĩnh vực:

A. Hạn chế giao lưu hàng hóa trong nước, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài.

B. Chủ động đầu tư trong nước, hạn chế đến mức tối đa giao lưu ngoài nước.

C. Thu hút đầu tư nước ngoài, ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp.

D. Hiện đại hóa trang bị máy móc, lập kế hoạch sản xuất hàng năm cố định.

Câu 44: Điểm khác biệt chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng so với Đồng bằng sông Cửu Long là

A. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ, chia cắt bề mặt đồng bằng ra thành nhiều ô.

B. Diện tích rộng lớn hơn.

C. Có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

D. Thủy triều xâm nhập sâu vào đồng bằng về mùa khô.

Câu 45: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, khu kinh tế ven biển nào sau đây không thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

A. Vũng Áng.

B. Vân Đồn.

C. Đông Nam Nghệ An.

D. Nghi Sơn.

Câu 46: Đặc điểm nổi bật nhất về dân cư của Nhật Bản là

A. Cần cù, làm việc tích cực, ý thức tự giác và tinh thần trách nhiệm rất cao.

B. Số dân ngày càng tăng nhanh.

C. Cơ cấu dân số trẻ, xu hướng già hóa.

D. Dân cư tập trung chủ yếu ở các đô thị.

Câu 47: Các kiểu khí hậu chủ yếu ở miền Đông Trung Quốc là

A. Ôn đới gió mùa, nhiệt đới gió mùa.

B. Cận xích đạo, cận nhiệt đới gió mùa.

C. Nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo.

D. Cận nhiệt đới gió mùa, ôn đới gió mùa.

Câu 48: Đặc điểm về trình độ thâm canh của Trung du và miền núi Bắc Bộ không phải là

A. Áp dụng các giống mới, cao sản, công nghệ tiên bộ.

B. Sản xuất theo kiểu quảng canh, đầu tư ít lao động và vật tư nông nghiệp.

C. Trình độ thâm canh thấp.

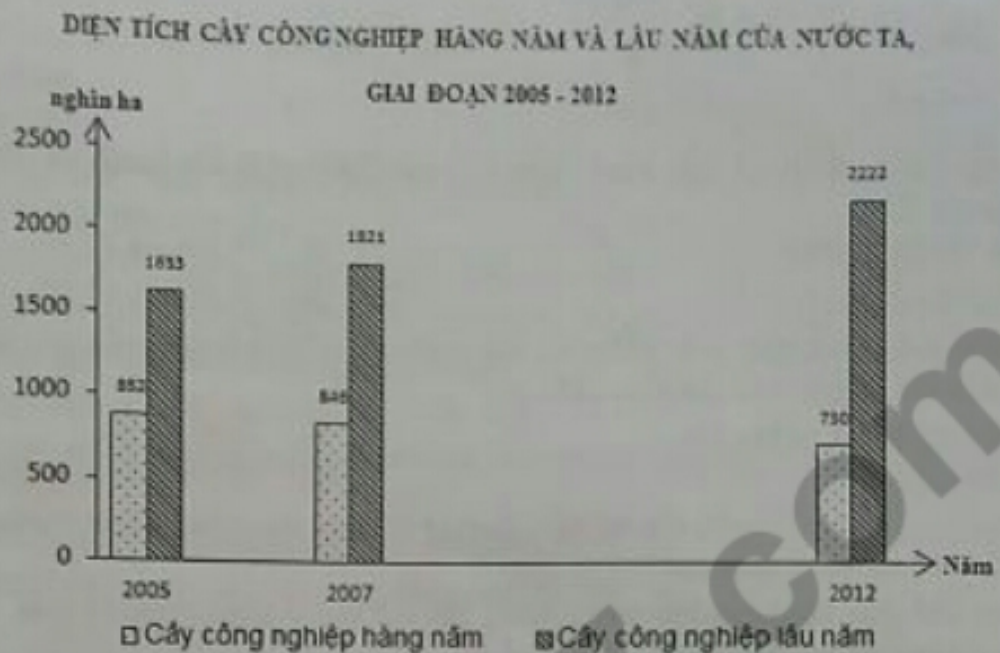
D. Ở vùng trung du, trình độ thâm canh đang được nâng cao.

Câu 49: Ý nào sau đây không phải là hướng thay đổi trong tổ chức lãnh thổ nông nghiệp ở nước ta?

A. Tăng cường chuyên môn hoá sản xuất, phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn.

- B. Phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.
 C. Kinh tế trang trại có bước phát triển mới, thúc đẩy sản xuất nông- lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá.
 D. Đẩy mạnh đa dạng hoá nông nghiệp, đa dạng hoá kinh tế nông thôn.

Câu 50 : Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây **không đúng** với biểu đồ trên?

- A. Giảm diện tích cây công nghiệp hàng năm.
 B. Diện tích cây công nghiệp lâu năm tăng liên tục.
 C. Tỷ trọng diện tích cây công nghiệp hàng năm có xu hướng giảm.
 D. Diện tích cây công nghiệp hàng năm thấp hơn cây công nghiệp lâu năm.

Câu 51 : Đông Nam Bộ là vùng có tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước chủ yếu do

- A. Tài nguyên giàu có, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kĩ thuật hoàn thiện, lao động có tay nghề cao, thu hút đầu tư nước ngoài lớn...
 B. Tập trung khoáng sản dầu khí với trữ lượng lớn nhất nước ta và đang được khai thác có hiệu quả.
 C. Tập trung lao động có trình độ kĩ thuật và tay nghề cao của cả nước, người dân rất nhạy bén với cơ chế thị trường.
 D. Là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất cả nước.

Câu 52 : Cho bảng số liệu: *Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế (Đơn vị: tỉ đồng)*

Thành phần kinh tế	2005	2012
- Nhà nước	246334	763118
- Ngoài Nhà nước (tập thể, tư nhân, cá thể)	3309087	1616178
- Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	433118	2127460

Nhận định nào sau đây **chưa chính xác** khi nói về chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế?

- A. Giảm tỉ trọng của khu vực Nhà nước.
 B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tỉ trọng cao nhất.
 C. Tăng tỉ trọng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
 D. Giảm tỉ trọng của khu vực ngoài Nhà nước.

- 53 : Trong thời gian qua, số lượng đàn trâu ở nước ta không tăng mà có xu hướng giảm, nguyên nhân chủ yếu do
- A. sức kéo trong nông nghiệp đã được cơ giới hóa.
 - B. đàn trâu bị chết nhiều do dịch bệnh.
 - C. nuôi trâu hiệu quả kinh tế không cao.
 - D. thức ăn cho đàn trâu chưa được đảm bảo.
- Câu 54 : Ý nào sau đây **không đúng** về nguyên nhân làm cho nền kinh tế Nhật Bản từ năm 1950 đến 1973 có sự phát triển nhanh chóng?
- A. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nặng, phát triển nhanh các ngành ít cần đến khoáng sản.
 - B. Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghiệp, tăng vốn, gắn liền với áp dụng kĩ thuật mới.
 - C. Duy trì cơ cấu hai tầng, vừa phát triển các xí nghiệp lớn, vừa duy trì những tổ chức sản xuất nhỏ, thủ công.
 - D. Tập trung cao độ vào phát triển các ngành then chốt có trọng điểm theo từng giai đoạn.
- Câu 55 : Ý nào sau đây **không đúng** với tình hình phát triển ngành công nghiệp điện lực của nước ta hiện nay?
- A. Sản lượng điện tăng liên tục, tăng rất nhanh.
 - B. Thủy điện luôn chiếm hơn 70%.
 - C. Đã xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống đường dây siêu cao áp 500 kV, 220kV, các trạm biến áp.
 - D. Đã và đang sử dụng khí vào sản xuất điện.
- Câu 56 : Nhiều nước ở Đông Nam Á hiện nay phát triển mạnh cây công nghiệp lâu năm, chủ yếu do có
- A. khí hậu nhiệt đới, cận xích đạo, đất phù sa màu mỡ ở các đồng bằng.
 - B. thị trường ngoài nước mở rộng có nhu cầu lớn về sản phẩm cây công nghiệp lâu năm.
 - C. khí hậu nóng ẩm, đất đỏ badan màu mỡ có diện tích rộng lớn.
 - D. lao động đông, có truyền thống, kinh nghiệm trong trồng và chế biến sản phẩm cây công nghiệp lâu năm.
- Câu 57 : Diện tích gieo trồng lúa nước ta có xu hướng giảm nhẹ trong thời gian gần đây chủ yếu do
- A. diện tích đất nông nghiệp giảm.
 - B. chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
 - C. tác động của đô thị hóa và công nghiệp hóa.
 - D. mở rộng diện tích đất trồng cây công nghiệp lâu năm.
- Câu 58 : Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của Hoa Kỳ thay đổi theo hướng:
- A. Tăng tỉ trọng ngành công nghiệp khai thác và chế biến.
 - B. Giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp truyền thống, tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp hiện đại.
 - C. Giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp chế biến, tăng ngành khai thác.
 - D. Giảm tỉ trọng các ngành công nghiệp hiện đại, tăng tỉ trọng các ngành công nghiệp truyền thống.
- Câu 59 : Đánh bắt hải sản xa bờ được phát triển mạnh ở nhiều nước Đông Nam Á hiện nay chủ yếu là do
- A. vùng biển nhiều ngư trường, ngư dân nhiều kinh nghiệm.
 - B. ngư dân có nhiều kinh nghiệm, thị trường tiêu thụ mở rộng.
 - C. tàu thuyền, ngư cụ hiện đại hơn, thị trường tiêu thụ mở rộng.
 - D. thị trường tiêu thụ được mở rộng, tàu thuyền, ngư cụ nhiều hơn.
- Câu 60 : Loại gió hoạt động vào mùa đông ở nước ta, từ Đà Nẵng trở vào là
- A. Gió mùa Tây Nam.
 - B. Gió mùa Đông Bắc.
 - C. Gió mùa Đông Nam.
 - D. Gió Tín phong bán cầu Bắc.
- Câu 61 : Vấn đề có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là
- A. Chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế.
 - B. Tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững.

C. Chuyển dịch cơ cấu theo lãnh thổ.

D. Xác định cơ cấu kinh tế hợp lý, thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 62: Ý nào sau đây **không đúng** với đặc điểm khí hậu của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

A. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C .

B. Có một mùa đông lạnh trong năm.

C. Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ.

D. Trong năm có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C .

Câu 63: Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới mật độ dân số của vùng đồng bằng sông Hồng cao gấp 3 lần so với mật độ dân số của đồng bằng sông Cửu Long là

A. Đồng bằng sông Hồng có điều kiện tự nhiên thuận lợi hơn.

B. Đồng bằng sông Hồng là địa bàn thu hút mạnh lực lượng lao động từ các vùng khác đến.

C. Đồng bằng sông Hồng có lịch sử khai thác lâu đời hơn.

D. Đồng bằng sông Hồng có nhiều làng nghề thủ công truyền thống.

Câu 64: Năm 2014, nước ta có số dân là 90,7 triệu người, diện tích tự nhiên phần đất liền là 331212 km^2 , vậy mật độ dân số nước ta là

A. $237,8\text{ người/km}^2$

B. $373,8\text{ người/km}^2$

C. $283,8\text{ người/km}^2$

D. $273,8\text{ người/km}^2$

Câu 65: Vùng biển của nước ta bao gồm các bộ phận

A. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa.

B. Các đảo ven bờ, các quần đảo, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

C. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, vùng cơ sở.

D. Lãnh hải, các đảo ven bờ, các quần đảo, thềm lục địa.

Câu 66: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hoá sản xuất giữa các vùng trong nước có được là do

A. chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế.

B. sự chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành kinh tế.

C. phát huy thế mạnh của từng vùng và tăng cường hội nhập quốc tế.

D. sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế.

Câu 67: Nguyên nhân chủ yếu làm cho công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nước ta được phân bố rộng khắp cả nước là

A. Thị trường tiêu thụ trong nước và thế giới ngày càng mở rộng, có nhu cầu lớn về sản phẩm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

B. Gắn với các vùng chuyên môn hóa về lương thực, thực phẩm.

C. Nước ta có nguồn nguyên liệu tại chỗ đa dạng, phong phú, có ở khắp các vùng lãnh thổ, thị trường tiêu thụ rộng khắp.

D. Nguyên liệu chủ yếu của ngành là sản phẩm từ nông nghiệp và thủy sản, khó bảo quản, vận chuyển xa tồn kém.

Câu 68: Ý nào sau đây **không phải** là đặc trưng cơ bản của nền nông nghiệp cổ truyền?

A. Đẩy mạnh thâm canh, chuyên môn hóa.

B. Năng suất lao động và năng suất cây trồng, vật nuôi thấp.

C. Nền nông nghiệp mang tính tự cấp tự túc.

D. Sử dụng nhiều sức người, công cụ thủ công.

Câu 69: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam, các trung tâm kinh tế có quy mô GDP trên 100 nghìn tỉ đồng năm 2007 là

A. TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng.

C. Hà Nội, Hải Phòng.

B. Hà Nội, TP Hồ Chí Minh.

D. Hà Nội, Đà Nẵng.

a 70 : Cho bảng số liệu: *Diện tích gieo trồng cây công nghiệp lâu năm, năm 2005 (Đơn vị: nghìn ha)*

Loại cây			Trung du và miền núi Bắc Bộ		Tây Nguyên
Loại cây			BỘ		
Cây công nghiệp lâu năm			91,0		634,3
Cà phê			3,3		445,4
Chè			80,0		27,0
Cao su			-		109,4
Các cây khác			7,7		52,5

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích cây công nghiệp lâu năm của Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên là

- A. Tròn. B. Cột ghép. C. Cột chồng. D. Miền.

Câu 71 : Cơ cấu sử dụng lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay có sự thay đổi do phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần kinh tế, cơ chế thị trường.

- A. quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
B. quá trình hội nhập kinh tế toàn cầu, xu hướng chuyển dịch lao động của thế giới.
C. tác động của cách mạng khoa học kĩ thuật và công nghệ hiện đại.

Câu 72 : Đặc điểm nào sau đây đúng với sự phân bố của ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm ở nước ta?

- A. Các xí nghiệp chế biến thành phẩm có xu hướng phân bố gần nơi tiêu thụ.
B. Phần lớn các xí nghiệp sơ chế đều gắn với vùng nguyên liệu.
C. Các cơ sở công nghiệp chế biến phân bố gần với vùng chuyên canh.
D. Hầu hết các xí nghiệp vừa có mặt ở nơi cung cấp nguyên liệu vừa ở thị trường tiêu thụ.

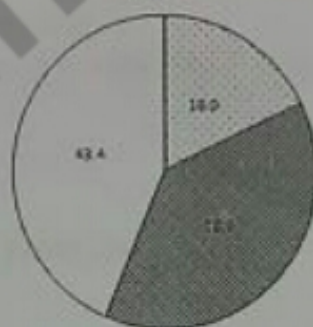
Câu 73 : GDP/người thể hiện mối quan hệ giữa

- A. sự phát triển kinh tế và số dân.
B. đầu tư nước ngoài với số dân.
C. sự phát triển công nghiệp và số dân.
D. sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp và số dân.

Câu 74 : Cho biểu đồ: *Chuyển dịch cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế năm 2008 và năm 2012*

2008

2012



□ Nông, lâm nghiệp và thủy sản

■ Công nghiệp và xây dựng

□ Dịch vụ

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Tăng giá trị sản xuất của ngành dịch vụ.
B. Quy mô tổng sản phẩm trong nước tăng, công nghiệp và xây dựng có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.
C. Giảm tỉ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản.
D. Nông, lâm nghiệp và thủy sản có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.

Câu 75 : Đây là biện pháp quan trọng để có thể vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

- A. Đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, phát triển nuôi trồng thủy sản và công nghiệp chế biến.
B. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.
C. Tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.



- Đ.** Hiện đại hoá các phương tiện, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.
- Câu 76:** Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho vùng đồng bằng sông Cửu Long chịu ngập lụt là
- A.** Địa hình thấp và có đê sông, đê biển.
 - B.** Mặt đất thấp, xung quanh không có đê bao bọc.
 - C.** Mưa lớn kết hợp với triều cường.
 - D.** Mặt độ xây dựng cao.
- Câu 77:** Người dân Hòa Kỳ chủ yếu sinh sống ở các
- A.** vùng nông thôn.
 - B.** đô thị cực lớn.
 - C.** vùng ven đô thị.
 - D.** đô thị vừa và nhỏ.
- Câu 78:** Ý nào sau đây là sự khác nhau cơ bản về địa hình giữa miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ so với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?
- A.** Gồm các khối núi cổ, các sơn nguyên bóc mòn, cao nguyên badan.
 - B.** Bờ biển khúc khuỷu, có nhiều vịnh biển sâu được che chắn bởi các đảo ven bờ.
 - C.** Địa núi thấp chiếm ưu thế, hướng vòng cung.
 - D.** Là miền duy nhất ở nước ta có đầy đủ 3 đai cao.
- Câu 79:** Ý nào sau đây không đúng về nguyên nhân làm cho cơ cấu ngành công nghiệp của nước ta có sự chuyển dịch?
- A.** Nhắm thích nghi với tình hình mới của đất nước, quốc tế.
 - B.** Để hình thành các trung tâm và vùng công nghiệp lớn.
 - C.** Thu hút các nguồn lực bên ngoài.
 - D.** Để hội nhập vào thị trường khu vực và thế giới.
- Câu 80:** Kiểu hệ sinh thái nào sau đây bị suy giảm nhanh chóng chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng đất và do cháy rừng?
- A.** Rừng tràm trên đất phèn.
 - B.** Rừng gió mùa nửa rụng lá.
 - C.** Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
 - D.** Rừng ngập mặn.